

Bản án số: 05/2020/HSST

Ngày: 14/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Trần Sáu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia
phiên tòa:* Bà Trịnh Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 40 phút, ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh V, sinh năm 1999; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Th, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa 10/12; nghề nghiệp: Không; Cha: Huỳnh H, sinh năm 1970; Mẹ: Nguyễn Th, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân:

+ Ngày 11/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Ngày 14/10/2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 14/7/2019 tại phường 9, thành phố Tuy Hòa

+ Ngày 24/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Tr, sinh năm 1995; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố H, thị trấn L, huyện X, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa 7/12; nghề nghiệp: Không; Cha: Nguyễn C (chết); Mẹ: Phan Th, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

+ Ngày 24/6/2019 trộm cắp tài sản tại huyện X, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X quyết định khởi tố bị can ngày 09/12/2019

+ Ngày 18/10/2019 bị Công an huyện X quyết định xử phạt hành chính về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2019. Có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

1. Ông Trần Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố Th, thị trấn Th, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa

2. Bà Cù H, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố Th, thị trấn Th, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa

3. Bà Bùi M, sinh năm 1972 và ông Bùi Ch, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn Th, huyện A, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt tại phiên tòa

4. Ông Trương K, sinh năm 1974 và bà Nguyễn H, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Khu phố Th, thị trấn Th, huyện A, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cù S, sinh năm 1959 và bà Lê Ng, sinh năm 1959; Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Ng, huyện A, tỉnh Phú Yên. Bà Ng ủy quyền cho ông S theo giấy ủy quyền ngày 14/01/2020. Ông S có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trương Ng, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Huỳnh H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa

4. Bà Phan Th. sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện X, tỉnh Phú Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào sáng ngày 12 tháng 7 năm 2019, Nguyễn Tr điều khiển xe mô tô của Bùi Y (không xác định được biển số) chở Bùi Y và Huỳnh V đến thị trấn Th, huyện A để trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, khi chạy đến đoạn đường trước nhà ông Trần Đ, sinh năm 1982, trú tại khu phố Th, thị trấn Th, huyện A phát hiện xe mô tô 78H9-7676 của ông Đ dựng trước nhà. Tr điều khiển xe chạy tới trước một đoạn rồi dừng lại đứng cạnh giới, V và Y đi bộ đến vị trí xe 78H9-7676, V trực tiếp dùng đoản phá khóa xe mô tô 78H9-7676 rồi điều khiển xe này chạy ra hướng thị xã C.

Sau đó, Y nói với Tr tiếp tục đi tìm xe để trộm cắp nên Tr chở Y đến đoạn đường Ph thuộc khu phố Th, thị trấn Th, huyện A, phát hiện xe mô tô 78H1-24521 do ông Cù S đứng tên chủ sở hữu đang được bà Cù H, sinh năm 1989, trú tại khu phố Th, thị trấn Th, huyện A quản lý dựng trước nhà. Quan sát thấy không có người trông coi nên Tr dừng xe đứng cạnh giới, Y đi bộ đến phá khóa

và điều khiển xe mô tô 78H1-24521 chạy trước, Tr chạy theo sau về nhà của Y tại khu phố C, thị trấn H, huyện X. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Y đem hai chiếc xe nêu trên bán cho một người chưa xác định rõ nhân thân tại thành phố H, tỉnh Phú Yên nhưng không nói cho V và Tr biết việc Y đi tiêu thụ xe và tiền bán xe Y cũng chưa chia cho V và Tr.

Quá trình điều tra, còn xác định được:

Vào khoảng 15 giờ ngày 21 tháng 6 năm 2019 Nguyễn Tr điều khiển xe mô tô (không xác định được nguồn gốc) chở Bùi Y đến đoạn đường Quốc lộ 1 thuộc khu phố B, thị trấn Th phát hiện xe mô tô 78H1-12910 của bà Bùi M, sinh năm 1972, trú tại khu phố Đ, thị trấn Th, huyện A đang dừng trên đường quốc lộ 1 không có người trông coi. Tr dừng xe, đứng cánh giới, Y đi bộ đến phá khóa rồi điều khiển xe mô tô 78H1-12910 bỏ chạy, Tr điều khiển xe chạy theo sau. Sau đó, Y đem xe vào thành phố H, tỉnh Phú Yên bán cho một người chưa xác định được nhân thân.

Vào khoảng 19 giờ ngày 11 tháng 7 năm 2019 Nguyễn Tr điều khiển xe mô tô của Bùi Y không xác định được biển số chở Bùi Y đến khu phố X, thị trấn Th, huyện A phát hiện xe mô tô biển số 78H1-04514 của ông Trương K, sinh năm 1974, trú tại khu phố Th, thị trấn Th, huyện A dừng tại khu vực vỉa hè, không có người trông coi nên Tr dừng xe đứng cảnh giới, Y đi bộ đến phá khóa và điều khiển xe mô tô 78H1-04514 bỏ chạy, Tr điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Sau đó, Y đem xe vào thành phố H, tỉnh Phú Yên bán và chia cho Tr 1.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô 78H9-7676 là 5.200.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô 78H1-24521 có giá trị 11.500.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô biển số 78H1-12910 có giá trị 9.600.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô 78H1-04514 có giá trị 7.800.000 đồng

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; về phần dân sự bị cáo V trình bày: Xe 78H9-7676 trị giá 5.200.000 đồng bị cáo và Tr cùng Y gây nên, gia đình bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng nên phần còn lại Tr và Y phải bồi thường. Bị cáo Nguyễn Tr đồng ý bồi thường cho Trần Đ 3.200.000 đồng, Cù S và Lê Ng 11.500.000 đồng, Bùi M và Bùi Ch 9.600.000 đồng, Trương K và Nguyễn H 7.800.000 đồng.

Bị hại

1. Ông Trần Đ có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung: Yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 3.200.000 đồng, về hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Bà Cù H trình bày: Xe 78H1-24521 là của cha đẻ Cù S nên yêu cầu các bị cáo trả lại tài sản cho ông S, còn về hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

3. Bà Bùi M và ông Bùi Ch đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

4. Ông Trương Văn K và bà Nguyễn H có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung: Yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe 78H1-04514 theo giá của Hội đồng định giá đã định là 7.800.000 đồng, về hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cù S đề nghị: Các bị cáo phải bồi thường giá trị xe 78H1-24521 theo giá của Hội đồng định giá là 11.500.000 đồng, không yêu cầu Cù H bồi thường.

2. Bà Trương Ng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/11/2019 bà Ng trình bày: Xe 78H1-04514 của ông Trương K bà chỉ là người đứng tên hộ, không phải là chủ sở hữu.

3. Ông Huỳnh H trình bày: Ông là cha đẻ của Huỳnh V. Hôm V bị bắt ông có đến gặp, được Công an thông báo giá trị tài sản mà V cùng đồng phạm trộm cắp là 5.200.000 đồng, ông có mang theo 2.000.000 đồng nên ông đã tự nguyện nộp để khắc phục một phần hậu quả cho con. Nay ông không có yêu cầu gì.

4. Bà Phan Th trình bày: Bà là mẹ đẻ của Nguyễn Tr. Bà nghe Công an bảo nộp 1.000.000 đồng thay cho con nên bà nộp. Nay bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo; đối với bị cáo V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số 18/2019/HSST ngày 24/11/2019; đối với bị cáo Tr áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo V từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2019; xử phạt bị cáo Tr từ 15 đến 18 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ 30/10/2019.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Tr, bị cáo phải bồi thường cho Trần Đ 3.200.000 đồng, Bùi M và Bùi C 9.600.000 đồng, Trương K và Nguyễn H 7.800.000 đồng, Cù S và Lê Ng 11.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình chữ L dài 16,5cm; đoạn ngắn có chiều dài 3,5cm, có hai đầu hình tròn có đường kính 01cm, bên trong hai đầu rỗng hình lục giác, bên ngoài có quấn vải màu trắng và đen; 01 thanh kim loại dài 05cm có một đầu nhọn và một đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm; số tiền 1.000.000 đồng trả cho ông Trương K

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại khu phố Th, thị trấn Th, huyện A, Bùi Y, Huỳnh V và Nguyễn Tr đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 78H9-7676 của Trần Đ có giá trị 5.200.000 đồng.

[2] Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 đến ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại địa bàn thị trấn Th, huyện A, Bùi Y và Nguyễn Tr còn cùng nhau trộm cắp xe mô tô biển số 78H1-24521 của ông Cù S, xe mô tô biển số 78H1-12910 của bà Bùi M, xe mô tô biển số 78H1-04514 của ông Trương K với tổng giá trị tài sản Y và Tr chiếm đoạt là 28.900.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm hoang mang trong dư luận. Nên nhất thiết phải xử lý nghiêm đúng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra.

[4] Xét vai trò, mức độ và hành vi của từng bị cáo

[4.1] Đối với Bùi Y là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi lấy được tài sản Y là người trực tiếp mang đi bán và là người trực tiếp giữ số tiền bán được, không nói cho bị cáo V và Tr biết số tiền bán được bao nhiêu và bán cho ai nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Tuy nhiên, sau khi phạm tội Bùi Y đã bỏ trốn nên khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Tr trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện 04 lần lấy cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần lấy cắp đều trên 2.000.000 đồng đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, giá trị tài sản mà bị cáo lấy cắp là 34.100.000 đồng, sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, bị cáo có nhân thân xấu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đang khởi tố bị cáo về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4.3] Đối với bị cáo Huỳnh V là người trực tiếp phá khóa lấy cắp xe 78H9 – 7676 trị giá 5.200.000 đồng, có nhân thân xấu nhiều lần bị khởi tố, xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần có mức án tương xứng.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo V đã bồi thường cho bị hại Trần Đ 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo V và Tr, đối với bị cáo V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm lao động, cải tạo, tu dưỡng đạo đức trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về phần dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Tr. Bị cáo phải bồi thường cho Trần Đ 3.200.000 đồng, Bùi M và Bùi C 9.600.000 đồng. Trương K và Nguyễn

H 7.800.000 đồng, Cù S và Lê Ng 11.500.000 đồng. Bị cáo được quyền khởi kiện yêu cầu Bùi Y thanh toán lại 1/2 giá trị mà bị cáo phải bồi thường.

[7] Vật chứng vụ án:

[7.1] 01 thanh kim loại hình chữ L dài 16,5cm đoạn ngắn có chiều dài 3,5cm; có hai đầu hình tròn, có đường kính 01cm bên trong hai đầu rỗng hình lục giác, bên ngoài có quần vải màu trắng và đen và 01 thanh kim loại dài 05cm có một đầu nhọn và một đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm. Theo quyết định chuyển vật chứng và bản kê vật chứng số 02/QĐ-VKS-HS ngày 23/12/2019 và biên bản làm việc ngày 13/02/2020, tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng

[7.2] Số tiền 1.000.000 đồng gia đình bị cáo Tr đã nộp lại số tiền bị cáo Tr được Bùi Y chia tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh V và Nguyễn Tr phạm tội “*trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh V 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp bản án số 18 ngày 24/11/2019. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 14/7/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung Tr 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 30/10/2019

Về dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Tr. Bị cáo phải bồi thường cho Trần Đ 3.200.000 đồng, Bùi M và Bùi Ch 9.600.000 đồng. Trương K và Nguyễn H 7.800.000 đồng, Cù S và Lê Ng 11.500.000 đồng. Bị cáo được quyền khởi kiện yêu cầu Bùi Y thanh toán lại 1/2 giá trị mà bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình chữ L dài 16,5cm đoạn ngắn có chiều dài 3,5cm; có hai đầu hình tròn, có đường kính 01cm bên trong hai đầu rỗng hình lục giác, bên ngoài có quần vải màu trắng và đen và 01 thanh kim loại dài 05cm có một đầu nhọn và một đầu hình lục giác có đường kính 0,8cm. Theo quyết định chuyển vật chứng và bản kê vật chứng số 02/QĐ-VKS-HS ngày 23/12/2019 và biên bản làm việc ngày 13/02/2020.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 07/01/2020 giữa đơn vị trả tiền: Công an huyện A và đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự huyện A để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Huỳnh V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.605.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an huyện A;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện A;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cơ